

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2018
“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Thi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Được
2. Ông Huỳnh Văn Đương
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thủy T, sinh năm 1983. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Thủy T trình bày :

Vào năm 2002 chị và anh N xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/9/2002 . Khi tiến đến hôn nhân có quen nhau trước và đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về mặt ứng xử giao tiếp dẫn đến vợ chồng cãi vã, gây gổ nhiều lần cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc, đến năm 2015 chị thuê nhà khác ở và ly thân với anh N. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu :

-Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nghiệp.

-Về nuôi con chung: có 02 con chung Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 11/7/2003 và Nguyễn Thanh S sinh năm 2008 hiện đang sống với anh N và chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung vợ chồng: chị T không khởi kiện.

-Về số nợ phải thu, phải trả: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Tiên không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân là đúng. Anh không đồng ý ly hôn vì muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Giao con chung tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 11/7/2003 và Nguyễn Thanh S sinh năm 2008 cho anh N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, số nợ phải thu phải trả không ai tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thủy T khởi kiện tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con* ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân : xét thấy chị T và anh N xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và chị T đã giao nộp chứng cứ là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị và anh N (BL 04) nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống có nhiều bất đồng về quan điểm sống và cách ứng xử trong đời sống hôn nhân, nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị T xác định tình cảm không còn với anh N do

bất đồng quan điểm sống vợ chồng nên xin ly hôn anh N và vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh N cũng thừa nhận trong 03 năm ly thân đã bỏ mặc nhau, không ai quan tâm ai, chị T làm gì và cư trú ở đâu anh cũng không biết. Tòa án mở hai phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng không kết quả, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng của chị T và anh N là không kết quả.

Mặt khác, tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn anh N là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: anh N và chị T có 02 người con chung tên là: tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 11/7/2003 và Nguyễn Thanh S sinh năm 2008 hiện anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo về sự phát triển toàn diện, ổn định tâm lý cho các con chung cũng như nguyện vọng của Đ và S được sống cùng anh N Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T cũng thống nhất để 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung : Chị Tiên và anh N không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu phải trả: không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị Thủy T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, các Điều 228, 235, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thủy T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 11/7/2003 và Nguyễn Thanh S sinh năm 2008 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị Thủy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh N không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu phải trả: không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0017202 ngày 04/7/2018 do chị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H
- Các đương sự
- Lưu HSYA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Thi